

**CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH AN**  
**CÔNG BỐ NỘI DUNG ĐĂNG KÝ THÀNH LẬP MỚI**

**1. Tên công ty**

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY TNHH XÂY DỰNG THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ VẬN TẢI KHÁNH AN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: KHANH AN TRANSPORTATION SERVICES TRADING CONSTRUCTION COMPANY LIMITED

Tên công ty viết tắt: CÔNG TY TNHH XD TM DV VT KHÁNH AN

**2. Mã số doanh nghiệp:** 3703038683

**3. Ngày thành lập:** 24/02/2022

**4. Địa chỉ trụ sở chính:**

82A Nguyễn Trãi, Khu Phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Điện thoại: 0932.792.711

Fax:

Email: trungkienctn@gmail.com

Website:

**5. Ngành, nghề kinh doanh:**

| STT | Tên ngành                                                                                | Mã ngành    |
|-----|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------|
| 1.  | Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, hệ thống sưởi và điều hoà không khí                    | 4322        |
| 2.  | Lắp đặt hệ thống xây dựng khác                                                           | 4329        |
| 3.  | Hoàn thiện công trình xây dựng                                                           | 4330        |
| 4.  | Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác                                                      | 4390        |
| 5.  | Bán buôn thực phẩm                                                                       | 4632        |
| 6.  | Bán buôn đồ uống                                                                         | 4633        |
| 7.  | Bán buôn sản phẩm thuốc lá, thuốc láo                                                    | 4634        |
| 8.  | Bán buôn vải, hàng may mặc, giày dép                                                     | 4641        |
| 9.  | Bán buôn đồ dùng khác cho gia đình                                                       | 4649        |
| 10. | Bán buôn thiết bị và linh kiện điện tử, viễn thông                                       | 4652        |
| 11. | Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng (Trừ hoạt động bến thủy nội địa) | 4663        |
| 12. | Sản xuất đồ gỗ xây dựng                                                                  | 1622        |
| 13. | Sản xuất bao bì bằng gỗ                                                                  | 1623        |
| 14. | Sản xuất bột giấy, giấy và bìa                                                           | 1701        |
| 15. | Sản xuất giấy nhãn, bìa nhãn, bao bì từ giấy và bìa                                      | 1702        |
| 16. | Bán lẻ theo yêu cầu đặt hàng qua bưu điện hoặc internet                                  | 4791        |
| 17. | Vận tải hành khách đường bộ khác                                                         | 4932        |
| 18. | Vận tải hàng hóa bằng đường bộ                                                           | 4933(Chính) |
| 19. | Vận tải hàng hóa ven biển và viễn dương                                                  | 5012        |
| 20. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường sắt                                 | 5221        |

|     |                                                                                                                                                                                                                                              |                                                              |
|-----|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| 21. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường thủy                                                                                                                                                                                    | 5222                                                         |
| 22. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ trực tiếp cho vận tải đường bộ                                                                                                                                                                                      | 5225                                                         |
| 23. | Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải                                                                                                                                                                                          | 5229                                                         |
| 24. | Sản xuất thiết bị, dụng cụ y tế, nha khoa, chỉnh hình và phục hồi chức năng                                                                                                                                                                  | 3250                                                         |
| 25. | Khai thác, xử lý và cung cấp nước                                                                                                                                                                                                            | 3600                                                         |
| 26. | Thoát nước và xử lý nước thải                                                                                                                                                                                                                | 3700                                                         |
| 27. | Xây dựng nhà để ở                                                                                                                                                                                                                            | 4101                                                         |
| 28. | Xây dựng nhà không để ở                                                                                                                                                                                                                      | 4102                                                         |
| 29. | Xây dựng công trình đường sắt                                                                                                                                                                                                                | 4211                                                         |
| 30. | Xây dựng công trình đường bộ                                                                                                                                                                                                                 | 4212                                                         |
| 31. | Xây dựng công trình công ích khác                                                                                                                                                                                                            | 4229                                                         |
| 32. | Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác                                                                                                                                                                                                   | 4299                                                         |
| 33. | Lắp đặt hệ thống điện                                                                                                                                                                                                                        | 4321                                                         |
| 34. | Bán lẻ đồ điện gia dụng, giường, tủ, bàn, ghế và đồ nội thất tương tự, đèn và bộ đèn điện, đồ dùng gia đình khác chưa được phân vào đâu trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                      | 4759                                                         |
| 35. | Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm và vật phẩm vệ sinh trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                                                                                      | 4772                                                         |
| 36. | Bán lẻ hàng hóa khác mới trong các cửa hàng chuyên doanh<br>Chi tiết: Bán lẻ vàng, bạc, đá quý và đá bán quý, đồ trang sức trong các cửa hàng chuyên doanh                                                                                   | 4773                                                         |
| 37. | Doanh nghiệp phải thực hiện đúng các quy định của pháp luật về đất đai, xây dựng, phòng cháy chữa cháy, bảo vệ môi trường, các quy định khác của pháp luật hiện hành và các điều kiện kinh doanh đối với ngành nghề kinh doanh có điều kiện. | Ngành, nghề chưa khớp mã với Hệ thống ngành kinh tế Việt Nam |

**6. Vốn điều lệ:** 8.000.000.000 VNĐ

## 7. Danh sách thành viên góp vốn:

| STT | Tên thành viên  | Quốc tịch | Địa chỉ liên lạc đối với cá nhân; địa chỉ trụ sở chính đối với tổ chức                          | Giá trị vốn góp (VNĐ) | Tỷ lệ (%) | Số Giấy tờ pháp lý của cá nhân; Mã số doanh nghiệp đối với doanh nghiệp; Số Giấy tờ pháp lý của tổ chức | Ghi chú |
|-----|-----------------|-----------|-------------------------------------------------------------------------------------------------|-----------------------|-----------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------|
| 1   | ĐOÀN TRUNG KIÊN | Việt Nam  | 82A Nguyễn Trãi, Khu Phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam | 4.800.000.000         | 60,000    | 280950083                                                                                               |         |

|   |                   |             |                                                                                                                |               |        |           |  |
|---|-------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|
| 2 | NGUYỄN<br>THỊ TÂM | Việt<br>Nam | 82A Nguyễn Trãi,<br>Khu Phố Thống Nhất<br>1, Phường Dĩ An,<br>Thành phố Dĩ An,<br>Tỉnh Bình Dương,<br>Việt Nam | 3.200.000.000 | 40,000 | 281241442 |  |
|---|-------------------|-------------|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------|--------|-----------|--|

## 8. Người đại diện theo pháp luật:

\* Họ và tên: ĐOÀN TRUNG KIÊN

Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 04/08/1990

Dân tộc: Kinh

Quốc tịch: Việt Nam

Loại giấy tờ pháp lý của cá nhân: Chứng minh nhân dân

Số giấy tờ pháp lý của cá nhân: 280950083

Ngày cấp: 05/08/2009

Nơi cấp: CA. Tỉnh Bình Dương

Địa chỉ thường trú: 82A Nguyễn Trãi, Khu Phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

Địa chỉ liên lạc: 82A Nguyễn Trãi, Khu Phố Thống Nhất 1, Phường Dĩ An, Thành phố Dĩ An, Tỉnh Bình Dương, Việt Nam

9. Nơi đăng ký: Phòng Đăng ký kinh doanh Tỉnh Bình Dương